

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động của nhóm cổ phiếu chứng khoán và bán lẻ với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

SZC, VHC

[Cập nhật công ty]

KBC, BID, VHM, PVD, DGW, VCB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị trải lệnh từng phần, gia tăng tỷ trọng trading gổ đầu cho vị thế đang nắm giữ khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ

19/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,242.46	-0.09
VN30	1,234.74	-0.08
HĐTL VN30F1M	1,230.00	-0.07
HNXIndex	236.16	-0.22
HNX30	513.53	-0.26
UPCoM	90.60	+0.31
USD/VND	24,755	+0.12
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.53	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.21	-7
Dầu (WTI, \$)	82.62	-0.12
Vàng (LME, \$)	2,152.76	-0.35



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,242.46 (-0.09%)
KLGD (triệu CP) 782.5 (-48.5%)
GTGD (triệu US\$) 874.6 (-49.9%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động của nhóm cổ phiếu chứng khoán và bán lẻ với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 872.80 tỷ đồng, tập trung tại FUEVFNND (-0.34%), SSI (-1.36%), VRE (-2.9%).

HNXIndex 236.16 (-0.22%)
KLGD (triệu CP) 83.0 (-55.5%)
GTGD (triệu US\$) 65.5 (-57.1%)

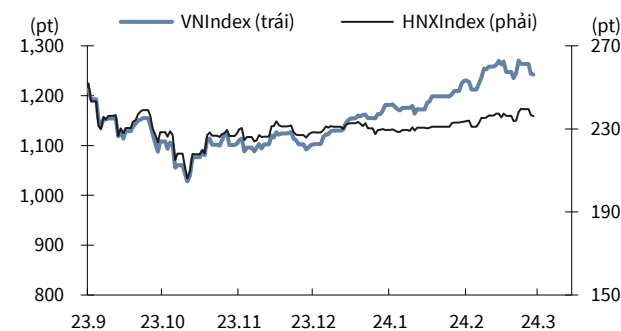
Hiệp hội doanh nghiệp châu Âu nhận định nhu cầu đầu tư mới và mở rộng quy mô nhà xưởng của các doanh nghiệp ĐTNN cũng như các tập đoàn công nghệ cao trên thế giới tiếp tục tăng tại Việt Nam. Cổ phiếu nhóm BĐS KCN tăng giá ở SIP (+1.56%), SZC (+0.56%).

UP Co M 90.60
(+ 0.31 %)
KLGD (triệu CP) 30.5 (-51.0%)
GTGD (triệu US\$) 13.7 (-51.7%)

Dự báo của Hiệp hội Thép thế giới cho thấy nhu cầu thép thành phẩm năm 2024 tăng trưởng khoảng 1.9% so với năm 2023, trong đó nhu cầu tiêu thụ thép của khu vực châu Âu tăng trưởng 5.7%. Cổ phiếu nhóm Thép tăng giá ở NKG (+6.33%), HSG (+2.54%).

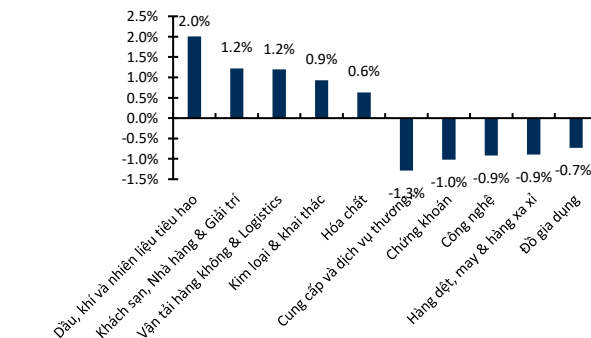
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -37.1

VNIndex & HNXIndex



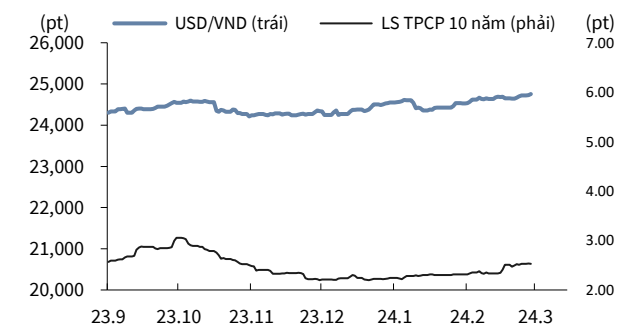
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

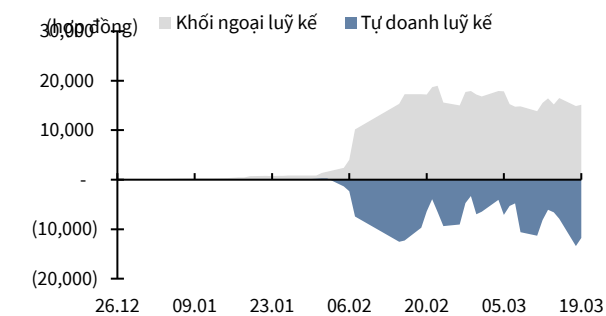
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,234.74 (-0.08%)
VN30F1M	1,230.0 (-0.07%)
Mở cửa	1,232.8
Cao nhất	1,235.8
Thấp nhất	1,224.2
KLGD (HĐ)	263,782 (-26.3%)

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa ở mức -2.94 điểm, sau đó biến động quanh mức -3 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -4.74 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

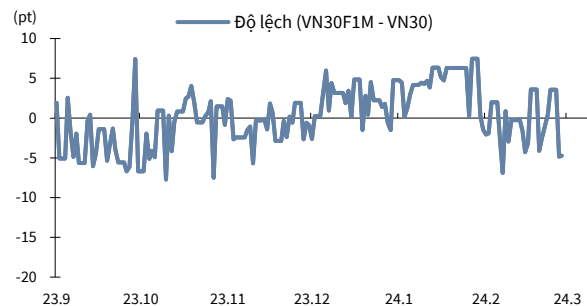
Khối ngoại mua ròng 289 HĐTL VN30F2403 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 15,149 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 1,670 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 11,744 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



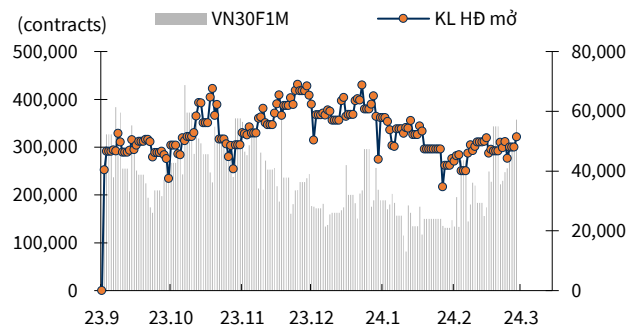
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



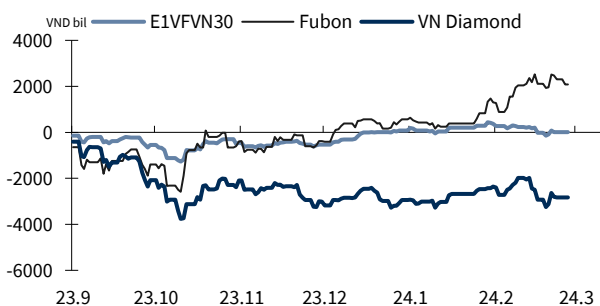
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

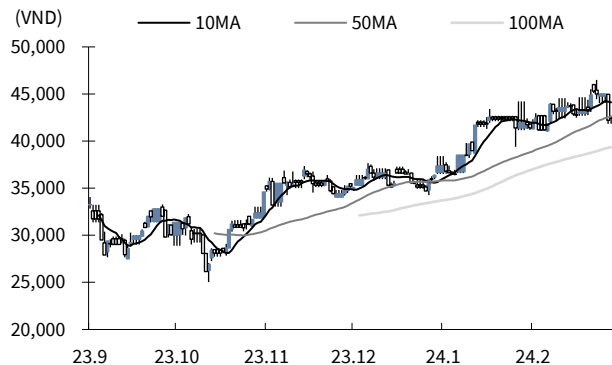
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Sonadezi Châu Đức (SZC)

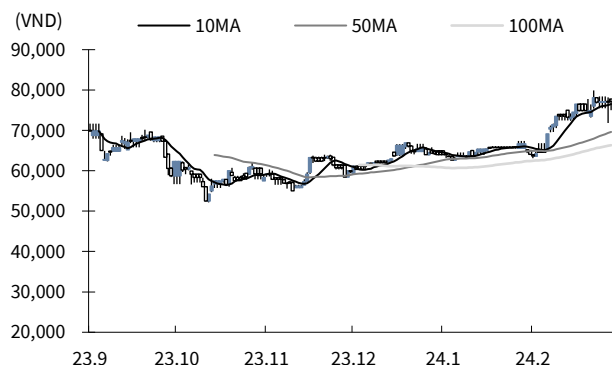


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SZC tăng 0.59% lên 42,450 VND/cp

- CTCP Sonadezi Châu Đức vừa công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Năm nay, SZC lên kế hoạch doanh thu 881 tỷ đồng, tăng 5.4% so với kết quả năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế kỳ vọng đạt 228 tỷ đồng, tăng 4%. Công ty cho biết hai mảng chính dự kiến đóng góp doanh thu chủ yếu trong năm 2024 đến từ cho thuê đất công nghiệp gần 626 tỷ đồng và mảng kinh doanh bất động sản dân dụng khoảng 119 tỷ đồng.

CTCP Vĩnh Hoàn (VHC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHC tăng 0.26% lên 77,200 VND/cp

- CTCP Vĩnh Hoàn vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 2/2024 với doanh thu tăng 6% YoY lên 801 tỷ đồng nhưng giảm 13% MoM. So với cùng kỳ năm ngoái, doanh thu xuất khẩu cá tra trong tháng 2 vừa rồi đi ngang với 417 tỷ đồng. Các mảng còn lại đều ghi nhận tăng trưởng như bún và bánh gạo tăng 137%, sản phẩm khác tăng 50%, bánh phồng tôm tăng 14% và sản phẩm phụ tăng 8%. Ngược lại, sản phẩm chăm sóc sức khỏe và sản phẩm giá trị gia tăng lại giảm lần lượt 30% và 15% YoY.

TCT phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)

Tiềm năng từ quỹ đất lớn

18/03/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
anhntn@kbsec.com.vn

2023, KBC ghi nhận doanh thu 5,645 tỷ VND (+494% yoy) và LNST 2,218 tỷ VND (+41% yoy)

Quỹ đất gối đầu liên tục đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho KBC

KBC dự kiến sẽ cho thuê được 107 ha đất KCN trong 2024

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 40,600 VND/cổ phiếu

Lũy kế cả năm 2023, KBC ghi nhận doanh thu và LNST lần lượt 5,645 tỷ VND (+494% yoy) và 2,218 tỷ VND (+41% yoy) nhờ ghi nhận doanh số cho thuê đất lên tới 152 ha từ các KCN Quang Châu, Nam Sơn Hạp Lĩnh, Tân Phú Trung, hoàn thành lần lượt 63% doanh thu và 56% LNST kế hoạch đề ra cho 2023.

KBC đang có kế hoạch chuẩn bị quỹ đất gối đầu trong nhiều năm tới với tổng diện tích lên đến 3,500 ha đất KCN và 650 ha đất KĐT đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho KBC. Trong 2024, KBC tập trung tiến độ các dự án KCN Trảng Duệ 3, CCN Hưng Yên và 2 KCN tại Long An, dự kiến có thể bắt đầu đưa vào cho thuê giai đoạn 2024 – 2025.

Chúng tôi kì vọng KCN Trảng Duệ 3 sẽ được phê duyệt chủ trương đầu tư trong 1H2024, bắt đầu đóng góp vào doanh số cho thuê đất của KBC trong 2024 bao gồm: 40 ha KCN Trảng Duệ 3, 17 ha KCN Quang Châu, 20 ha KCN Tân Phú Trung và 30 ha KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh.

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu KBC, mức giá mục tiêu là 40,600 VND/cổ phiếu, cao hơn 20.8% so với mức giá đóng cửa 33,600 VND ngày 17/03/2024.

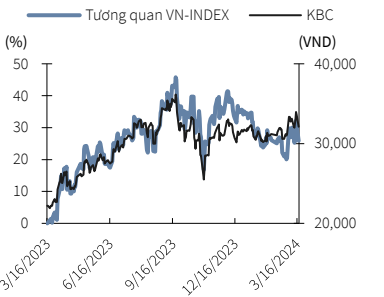
Mua duy trì

Giá mục tiêu	40,600 VND
Tăng/giảm (%)	20.8%
Giá hiện tại (17/03/2024)	33,600 VND
Giá mục tiêu thị trường	38,740 VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	25.8/1.04

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	75%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/ triệu USD)	262/10.6
Sở hữu nước ngoài (%)	21.72%
Cổ đông lớn	Ông Đặng Thành Tâm – Chủ tịch HĐQT (18.1%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2	-1	-7	45
Tương đối	-1	-12	-8	26

Dự phóng KQKD & định giá				
	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	950	5,645	4,852	7,192
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	1,577	2,218	1,707	1,960
Lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ	1,526	1,996	1,451	1,666
EPS (vnd)	1,993	2,600	1,890	2,170
Tăng trưởng EPS (%)	20%	30%	-28%	14%
P/E (x)	17	13	18	16
P/B (x)	1.1	1.3	1.2	1.1
ROE (%)	9%	11%	8%	9%
Tỷ suất cổ tức	0%	0%	0%	0%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

BIDV (BID)

Chất lượng tài sản cải thiện

19/03/2024

Trưởng nhóm Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

4Q2023, LNTT đạt 7,887 tỷ VND, tăng 50.3% YoY

4Q2023, BID có thu nhập lãi thuần đạt 14,869 tỷ VND (+7.9% QoQ, +3.1% YoY); TOI đạt 20,602 tỷ VND (+15.2% QoQ, +17.3% YoY). Chi phí trích lập dự phòng đạt 4,885 tỷ VND (-17.9% QoQ, +6.8% YoY) khiến LNTT đạt 7,887 tỷ VND (+33.8% QoQ, +50.3% YoY). Lũy kế cả năm 2023, LNTT đạt 27,650 tỷ VND, tăng 20.2% YoY.

Kì vọng NIM hồi phục trong năm 2024

KBSV kì vọng NIM của BID sẽ được cải thiện trong năm 2024 dựa trên: (1) Các khoản huy động khách hàng lãi suất cao kì hạn 1 năm giai đoạn 4Q2022 – 1Q2023 sẽ đáo hạn trong nửa đầu năm 2024; (2) Lãi suất huy động đang được duy trì ở mức thấp; (3) CASA phục hồi khi các doanh nghiệp quay trở lại ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chất lượng tài sản cải thiện, giảm áp lực trích lập dự phòng trong năm 2024

Tỷ lệ nợ xấu 4Q2023 của BID đạt 1.25% (-35bps QoQ) nằm trong nhóm các ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp, chỉ cao hơn VCB, TCB, CTG và ACB. Chất lượng tài sản khả quan hơn trong quý 4 (nợ xấu mới tăng thêm giảm, nợ tái cơ cấu giảm) cùng với tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 181.8%, cao thứ 2 toàn ngành sẽ giảm đáng kể áp lực trích lập dự phòng của BID trong năm 2024.

Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá mục tiêu 51,700 VND/cp

Cổ phiếu BID đã có nhịp tăng tốt trong thời gian vừa qua, đã phần nào phản ánh triển vọng kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2024. Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu cho năm 2024 là 51,700VND/cp, thấp hơn 0.6% so với giá tại ngày 18/03/2023.

NĂM GIỮ Thay đổi

Giá mục tiêu	VND51,700
Tăng/Giảm	-0.6%
Giá hiện tại (18/03/2024)	VND52,000
Giá mục tiêu thị trường	VND48,000
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND/Tỷ USD)	296,422/11.9

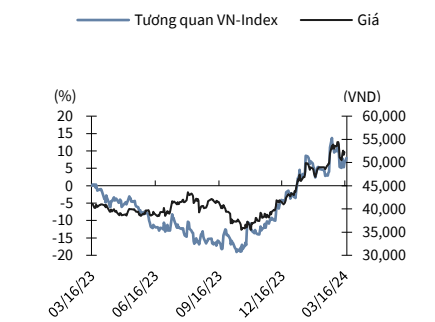
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	90.4/3.6
Sở hữu nước ngoài (%)	17.3%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.99%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	5	26	30	27
Tương đối	4	13	27	8

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	56,070	56,136	69,075	80,075
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	47,025	47,944	57,106	65,909
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	18,159	21,552	24,416	29,269
EPS (VNĐ)	3,590	3,781	4,283	5,134
Tăng trưởng EPS (%)	72%	5%	13%	20%
PER (x)	14.5	13.8	12.1	10.1
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,597	21,563	25,846	30,980
PBR (x)	2.52	2.41	2.01	1.68
ROE (%)	19.3	19.4	18.5	18.4
Tỉ suất cổ tức (%)	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

19/03/2024

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh năm 2023 vượt kế hoạch

Doanh thu Quý 4/2023 của Vinhomes đạt 8.7 nghìn tỷ VND (-72%YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 826 tỷ VND (-91%YoY). Lũy kế cả năm 2023, doanh thu của VHM đạt 103.6 nghìn tỷ VND (+66%YoY), nếu tính cả các giao dịch bán buôn và dự án BCC, doanh thu cả năm đạt 121.4 nghìn tỷ VND (+49%YoY) chủ yếu nhờ bàn giao tại dự án *Ocean Park 2* và *Ocean Park 3*. LNST đạt 33.4 nghìn tỷ VND (+16%YoY). Kết quả này vượt 21% và 12% kế hoạch doanh thu và LNST cả năm 2023.

Doanh số bán hàng trong Quý 4/2023 chủ yếu đến từ hoạt động bán buôn

Trong quý 4/2023, Vinhomes đã bán được 19,700 sản phẩm (+535%QoQ), trong đó giao dịch bán buôn một dự án tại Tp. HCM chiếm 74% (~14,500 căn). Tổng giá trị hợp đồng đã bán trong quý đạt 30.3 nghìn tỷ VND (+88%QoQ, +68%YoY). Lũy kế cả năm, doanh số bán hàng đạt 87.0 nghìn tỷ VND, giảm 32%YoY.

KBSV ước tính doanh số bán hàng năm 2024 đạt 89 nghìn tỷ VND (+3%YoY)

KBSV dự báo tổng giá trị hợp đồng bán hàng năm 2024 đạt 89 nghìn tỷ VND (+3%YoY), phần lớn đến từ dự án Ocean Park 2,3 và hai dự án mới được mở bán trong năm 2024 là *Vũ Yên* và *Wonder Park*.

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 69,000VND/cổ phiếu

Vinhomes duy trì vị thế hàng đầu nhờ quỹ đất rộng lớn và khả năng triển khai dự án mạnh. Định giá hấp dẫn với P/B 2024fw là 0.8x, dưới đường -1std của trung bình P/B 5 năm của VHM. Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi tiếp tục đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu Vinhomes với giá mục tiêu là 69,000/cp, cao hơn 64% so với giá đóng cửa ngày 19/03/2024.

Mua duy trì

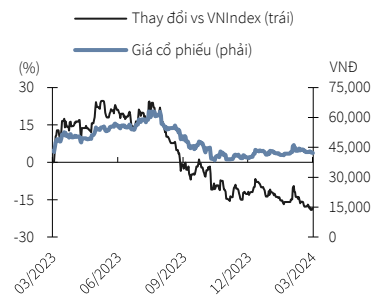
Giá mục tiêu	69,000VND
Tăng/giảm (%)	64%
Giá hiện tại (18/03/2024)	42,100VND
Giá mục tiêu đồng thuận	61,800VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	185.9/7.5

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	21.1%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND,triệu USD)	300.3/12.2
Sở hữu nước ngoài (%)	28%
Cổ đông lớn	Vingroup (66.66%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1	6	-14	-3
Tương đối	-4	-7	-16	-18

FY-end	2022A	2023A	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	62,393	103,557	126,429	122,150
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	37,973	44,045	39,122	42,057
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	28,831	33,371	30,045	32,614
EPS (VND)	6,621	7,664	6,900	7,490
Tăng trưởng EPS (%)	-26	16	-10	9
P/E (x)	6.34	5.60	6.10	5.62
P/B (x)	1.26	1.04	0.87	0.75
ROE (%)	19	18	14	13
Tỷ suất cổ tức (%)	0%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Khoan & Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)

Kỳ vọng thị trường thuận lợi trong 2 năm tới

19/03/2024

 Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu
 hieupm@kbsec.com.vn

Doanh thu 2023 chỉ tăng nhẹ 6% yoy nhưng lợi nhuận gộp tăng mạnh 127% từ mức nền thấp cùng kỳ

Doanh thu 2023 của PVD tăng nhẹ 6% yoy. PVD không phát sinh doanh thu từ giàn đi thuê như năm 2022 nhưng giá cước trung bình tăng khoảng 34% yoy và hiệu suất hoạt động cải thiện mạnh từ 83% lên mức 96%. Mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan ghi nhận sụt giảm 12% yoy do hoạt động E&P nội địa nhìn chung trầm lắng. Lợi nhuận gộp của công ty tăng mạnh 127% yoy chủ yếu do cước cho thuê và hiệu suất hoạt động tăng trong khi chi phí vận hành không thay đổi đáng kể.

Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn khoan toàn cầu vẫn duy trì đà tăng trong giai đoạn 2024-2025

Động lực tăng trưởng chính cho nhu cầu thuê giàn khoan toàn cầu vẫn đến từ khu vực Trung Đông. S&P Global dự báo Trung Đông sẽ cần khoảng 180 giàn tự nâng trong giai đoạn 2024-2025 (so với chỉ 122 giàn vào năm 2022). Các giàn khoan của Đông Nam Á cũng sẽ bị thu hút về Trung Đông, khiến khu vực này dự báo sẽ đối mặt với tình trạng thâm hụt nguồn cung trong giai đoạn 2024-2025.

Hiệu suất hoạt động của giàn tự nâng toàn cầu tăng mạnh, khiến giá cước kỳ vọng duy trì đà tăng

Hiệu suất hoạt động của các giàn tự nâng toàn cầu hiện đã tiến tới mức năm 2014. Chúng tôi kỳ vọng hiệu suất vẫn sẽ duy trì ở mức cao ít nhất trong 2 năm tới trong bối cảnh số giàn khoan tự nâng toàn cầu đang có xu hướng già hóa trong khi số lượng đơn đặt hàng đóng mới đang ở mức thấp kỷ lục. Theo đó, giá cước thuê giàn cũng được kỳ vọng sẽ tăng mạnh và có thể lên tới mức trên 150,000 USD/ngày như trong giai đoạn 2013-2014.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 37,800 VNĐ/cổ phiếu

Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PVD. Giá mục tiêu là 37,800 VNĐ/cổ phiếu, tương đương mức upside 20.2% so với giá tại ngày 19/03/2024. Định giá hiện tại cao hơn 8.6% so với báo cáo gần nhất do chúng tôi (1) điều chỉnh hạ giá định lãi suất phi rủi ro và phần bù rủi ro, và (2) bổ sung giàn khoan mới vào mô hình dự phóng.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu 37,800 VND

Tăng/giảm (%)	20.2%
Giá hiện tại (19/03/2024)	31,450 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	34,500 VND
Vốn hóa (tỷ VNĐ/tr. USD)	18,621/776

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	45.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/tr. USD)	147.1/6.1
Sở hữu nước ngoài (%)	25.5%
Cổ đông lớn	Petrovietnam (50.5%)

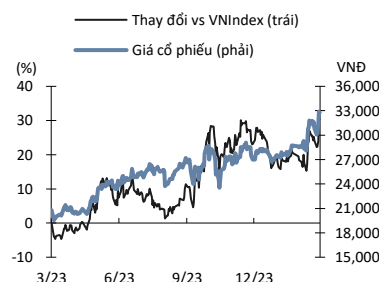
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	14.7	21.5	20.6	52.9
Tương đối	9.1	6.0	17.1	28.5

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2022A	2023A	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	5,432	5,812	6,895	8,280
Lãi/lỗ từ HĐKD	30	907	1,404	2,059
Lợi nhuận của công ty mẹ (tỷ VNĐ)	-103	579	928	1,426
EPS (VNĐ)	-250	803	1,668	2,563
Tăng trưởng EPS (%)	594	-421	108	54
P/E (x)	-131.20	40.85	19.66	12.80
P/B (x)	1.31	1.24	1.19	1.11
ROE (%)	-1.1	3.6	5.9	8.6
Tỷ suất cổ tức (%)	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

CTCP Thế giới số (DGW)

Hồi phục trên mức nền thấp

19/03/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang
Giangnt1@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh kém khởi sắc do
sức mua phục hồi chậm

Kết thúc 4Q2023, DGW đạt doanh thu thuần 4,849 tỷ đồng (+19% YoY) nhờ đóng góp của iPhone 15. Lợi nhuận gộp đạt 521 tỷ đồng với biên LNG đạt 10.7% giảm 0.8ppts YoY. LNST đạt 90 tỷ đồng giảm 42% YoY do tiếp hỗ trợ chi phí quảng cáo, khuyến mãi cho các nhà bán lẻ. Luỹ kế cả năm 2023, LNST giảm 47% YoY.

Ngành hàng ICT hồi phục chậm trên
mức nền thấp trong năm 2024

Ngành hàng ICT với mặt hàng điện thoại, laptop chứng kiến sụt giảm mạnh mẽ do nhu cầu các sản phẩm không thiết yếu giảm mạnh, tuy nhiên mức độ giảm đã thu hẹp dần về cuối năm 2023. Dự báo trong năm 2024 với sức mua hồi phục chậm cùng với ngành đang dần bão hoà, ngành hàng ICT sẽ có sự hồi phục chậm trên mức nền thấp.

Các ngành hàng còn lại tiếp tục duy
trì tăng trưởng

Các ngành hàng còn lại tiếp tục duy trì tăng trưởng nhờ liên tục mở rộng danh mục sản phẩm và nhãn hàng mới. Ngành hàng thiết bị văn phòng, công nghiệp với tiềm năng thị trường lớn và với đóng góp thêm từ Achison dự báo sẽ duy trì đà tăng trưởng. Ngành hàng thiết bị gia dụng và FMCG duy trì tăng trưởng nhờ đẩy mạnh những sản phẩm cũ đồng thời liên tục mở rộng danh mục sản phẩm và nhãn hàng mới.

Khuyến nghị: **NẮM GIỮ** - Giá mục tiêu
68,800 VND

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2024 của DGW với doanh thu thuần đạt 21,941 tỷ đồng (+17% YoY), LNST đạt 492 tỷ đồng (+36% YoY). Với triển vọng hồi phục lợi nhuận tích cực tuy nhiên mức giá đã phản ánh phần nào kỳ vọng, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu DGW với giá mục tiêu 68,800 VND.

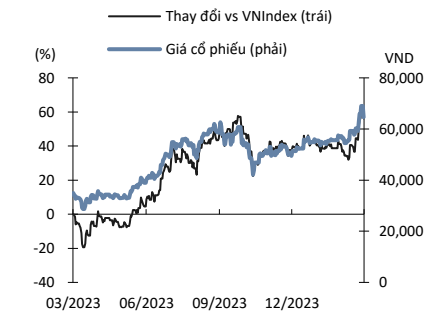
NẮM GIỮ DUY TRÌ

Giá mục tiêu	68,800 VND
Tăng/giảm (%)	7%
Giá hiện tại (19/03/2024)	64,200VND
Giá mục tiêu đồng thuận	57,626VND
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	10.7/0.44

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	55.4%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	132/5.5
Sở hữu nước ngoài	25%
Cổ đông lớn	Created Future (32.8%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	13.1	30.5	10.4	84.8
Tương đối	10.6	15.2	8.2	56.2

Dự phóng KQKD & định giá	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)				
	22,028	18,817	21,941	25,395
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	868	469	620	845
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	684	354	489	668
EPS (VND)	4,188	2,168	2,944	4,006
Tăng trưởng EPS (%)	4%	-48%	36%	36%
P/E (x)	15.7	30.3	21.9	16.1
P/B (x)	4.4	4.1	3.6	3.1



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



Vietcombank (VCB)

Lợi nhuận sẽ hồi phục

Chuyên viên phân tích Vũ Thu Uyên

uyenvt@kbsec.com.vn

19/03/2024

KQKD 2023: LNTT hoàn thành kế hoạch - đạt 41,244 tỷ đồng (+10.4% YoY)

4Q2023, tổng thu nhập hoạt động (TOI) giảm mạnh 14.5% YoY do kết quả kém khả quan ở cả thu nhập lãi thuần (-13.6% YoY) và thu nhập ngoài lãi (-18.1% YoY). Do đó, LNTT giảm 5.8% YoY xuống còn 11,693 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2023, LNTT của VCB ghi nhận tăng trưởng 10.4% YoY, đạt 41,244 tỷ - hoàn thành kế hoạch năm.

Đặt kế hoạch kinh doanh năm 2024 tăng trưởng LNTT ít nhất 10%

Vietcombank đặt mục tiêu 2024 với tổng tài sản tăng ít nhất 8%, tín dụng tăng ít nhất 12% và trong hạn mức NHNN giao, nợ xấu dưới 1.5%, LNTT tăng ít nhất 10%. VCB thống nhất phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, trích các quỹ năm 2022 với tỷ lệ ~39%.

Tín dụng kỳ vọng tăng tốc trong năm 2024, dự báo đạt 14%

Động lực trong nửa đầu năm sẽ đến từ hoạt xuất khẩu, đầu tư công, dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng trưởng thúc đẩy nhu cầu vay vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm khách hàng doanh nghiệp, trong khi nhu cầu tiêu dùng kỳ vọng hồi phục vào cuối năm sẽ cải thiện kết quả kinh doanh ở mảng bán lẻ.

Chất lượng tài sản dẫn đầu ngành

Tình hình nợ xấu của VCB diễn biến tích cực hơn trong Q4/2023 với NPL giảm xuống còn 0.98% từ 1.21% ở Q3/2023. Chúng tôi cho rằng chất lượng tài sản của ngân hàng sẽ cải thiện nhẹ trong năm 2024 khi nhóm nợ xấu (NPL) đang có dấu hiệu đi xuống, trong khi nợ nhóm 2 đã tạo đỉnh vào Q2/2023.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 109,100VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2024 của cổ phiếu VCB là 109,100 VND/cp, cao hơn 17.3% so với giá tại ngày 18/03/2024. Khuyến nghị MUA với cổ phiếu VCB.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu	VND 109,100
Tăng/giảm	17.3%
Giá hiện tại (18/03/2024)	93,000
Giá mục tiêu đồng thuận	103,000
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/tỷ USD)	519,785/21.02

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	25.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	139.04/5.6
Sở hữu nước ngoài (%)	23.5%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (74.8%)

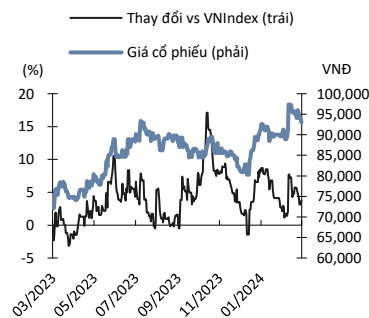
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	4	14	5	23
Tương đối	1	0	2	4

Dự phóng KQKD & định giá

(tỷ VNĐ)	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	53,246	53,621	61,592	73,802
LN trước CF DPRRTD (tỷ VNĐ)	46,832	45,809	53,201	62,772
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	29,919	33,054	36,537	43,282
EPS (đồng/cổ phiếu)	6,318	5,910	6,533	7,267
Tăng trưởng EPS (%YoY)	7%	-6%	11%	11%
PER (x)	14.7	15.7	14.2	12.8
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	28,663	30,156	36,689	46,997
PBR (x)	3.24	3.08	2.53	1.98
ROE (%)	24.4	21.7	19.6	17.9
Tỷ suất cổ tức (%)	0.00	0.00	0.00	0.65

Nguồn: KBSV ước tính



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm nhẹ với diễn biến giằng co rung lắc là chủ đạo.
- Sau một phiên bán tháo mạnh, diễn biến tâm lý đang trở nên thận trọng ở cả 2 phe. Tuy nhiên, lực cầu bắt đáy phần nào thể hiện trạng thái dè dặt hơn với việc chỉ số hình thành mẫu nến “Spinning” giảm điểm biên độ hẹp, đi kèm thanh khoản sụt giảm mạnh, cho thấy dòng tiền tạm thời vẫn đang đứng ngoài chờ đợi. Mặc dù diễn biến rung lắc điều chỉnh vẫn có thể tiếp diễn trong một vài phiên tới, xu hướng tăng điểm của VNIndex kỳ vọng sẽ được duy trì với vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại quanh 1215 (+-10).
- NĐT được khuyến nghị trải lệnh từng phần, gia tăng tỷ trọng trading gổ đầu cho vị thế đang nắm giữ khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1250 – 1255

Kháng cự gần: 1236 – 1239

Hỗ trợ gần: 1217 – 1220

Hỗ trợ xa: 1204 – 1209

- F1 giảm điểm nhẹ với diễn biến giằng co rung lắc là chủ đạo.
 - Sau một phiên bán tháo mạnh, diễn biến tâm lý đang trở nên thận trọng ở cả 2 phe. Tuy nhiên, lực cầu bắt đáy phần nào thể hiện trạng thái dè dặt hơn với việc chỉ số hình thành mẫu nến “Spinning” giảm điểm biên độ hẹp, đi kèm thanh khoản sụt giảm mạnh, cho thấy phe Long tạm thời vẫn đang đứng ngoài chờ đợi. Mặc dù diễn biến rung lắc điều chỉnh vẫn có thể tiếp diễn trong một vài phiên tới, xu hướng tăng điểm của F1 kỳ vọng sẽ được duy trì với vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại quanh 1215 (+10).
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên trải lệnh từng phần mở Long tại hỗ trợ.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

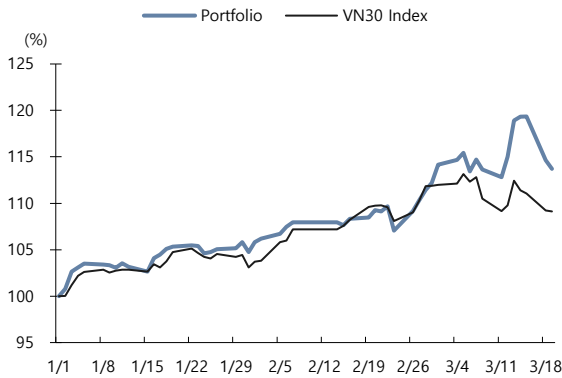
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.08%	-0.82%
Tăng lũy kế (YTD)	9.13%	13.69%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	36,150	-1.4%	40.4%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	77,000	-1.2%	0.8%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	92,500	-0.5%	-5.8%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	64,200	-1.4%	15.1%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	31,450	0.6%	13.7%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	21,500	-0.9%	6.4%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	57,500	-0.9%	4.7%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	42,200	0.0%	0.6%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	70,300	-1.8%	2.2%	- Màng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/03/2024	96,500	-0.8%	6.7%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	2.0%	12.3%	195.3
NKG	6.3%	14.0%	88.0
PLX	2.6%	17.6%	72.6
HDC	-2.9%	1.1%	45.7
FRT	-0.1%	36.0%	42.4
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-0.3%	96.5%	-451.6
SSI	-1.4%	43.2%	-159.2
VRE	-2.9%	30.3%	-85.5
VPB	-0.3%	27.9%	-79.4
PVD	0.6%	22.0%	-74.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HUT	0.0%	1.7%	1.2
HLC	9.5%	7.2%	0.7
LAS	-1.0%	1.4%	0.4
MST	1.4%	0.6%	0.4
PPS	-1.0%	28.1%	0.3
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	1.1%	17.4%	-17.9
SHS	-0.5%	10.2%	-7.3
IDC	-0.7%	2.1%	-4.3
VGS	3.9%	1.6%	-4.0
DTD	0.0%	4.8%	-2.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	9.3%	TCH, HHS, SRF, SHA
Cung cấp và dịch vụ thương mại	6.1%	TLG, ILB, APC, ST8
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	5.7%	TNH, JVC, VMD
Dược	4.5%	DHG, IMP, TRA, DBD
Đồ gia dụng	4.2%	TTF, GDT, EVE, SAV
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính đa dạng	-5.1%	EVF, OGC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-3.9%	MWG, FRT, CTF, HAX
Đồ uống	-3.4%	SAB, BHN, SMB, SCD
Bảo hiểm	-2.5%	BVH, MIG, BIC, BMI
Thực phẩm	-1.9%	VNM, MSN, KDC, VHC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	19.5%	GVR, DGC, DPM, DCM
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	16.5%	TNH, JVC, VMD
Đồ gia dụng	16.2%	TTF, GDT, EVE, SAV
Vận tải hàng không & Logistics	10.0%	TMS, SCS, STG, ASG
Xây dựng và kỹ thuật	9.8%	DIG, HDG, VCG, PC1
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-5.8%	VPG, TSC, BTT, TNA
Hàng không dân dụng	-3.6%	VJC, HVN
Tiện ích điện	-2.9%	PGV, NT2, PPC, TTA
Vật liệu xây dựng	-2.5%	HT1, PTB, GAB, ACC
Đồ uống	-1.8%	SAB, BHN, SMB, SCD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	248,833 (10.1)	22.5	1,253.3	50.9	14.7	0.0	3.0	1.6	1.5	2.0	6.5	0.0	5.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	410,784 (16.7)	26.6	5.3	5.0	35.9	17.1	15.9	0.9	0.8	1.9	0.5	-5.8	-0.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	409,907 (16.6)	17.8	14.8	12.9	-7.6	11.0	11.1	1.5	1.4	-2.9	6.2	11.2	14.8
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	435,417 (17.7)	31.3	-	30.6	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	-1.2	2.2	-6.0	-3.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	172,324 (7.0)	11.6	27.9	27.9	13.7	7.7	7.6	2.1	2.1	-1.6	0.0	16.9	16.6
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	236,875 (9.6)	13.9	40.2	25.3	-	2.8	4.3	1.2	1.2	-2.6	5.7	-1.6	-4.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	174,621 (7.1)	6.3	14.7	13.3	11.7	19.3	18.1	2.6	2.2	-0.5	-2.0	2.5	15.2
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	100,868 (4.1)	12.7	13.6	11.2	-5.3	18.3	18.2	2.0	1.7	-0.8	-0.8	4.7	18.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	380,908 (15.5)	0.0	6.4	5.2	14.3	16.2	17.1	1.0	0.8	0.5	-2.2	3.6	26.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	368,253 (14.9)	1.4	8.3	6.4	50.3	17.2	19.3	-	-	0.0	-3.5	-5.9	22.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	301,752 (12.2)	0.0	9.8	7.2	18.8	11.6	13.2	1.0	0.9	-0.3	-2.2	-8.3	-5.5
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	590,919 (24.0)	0.0	5.4	4.7	14.6	21.3	20.1	1.1	1.0	0.0	0.4	-3.1	24.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	146,162 (5.9)	4.2	5.4	4.6	23.3	24.1	23.3	1.2	0.9	0.2	-2.6	-4.3	10.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	659,395 (26.8)	14.0	6.1	4.0	26.5	20.0	25.1	1.0	0.8	0.5	0.5	-1.0	8.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	290,907 (11.8)	0.0	6.8	5.3	37.4	16.7	18.5	1.1	1.0	-0.5	-1.6	-3.2	4.6
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	292,240 (11.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.1	2.5	-1.1	1.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	29,416 (1.2)	21.0	18.2	15.1	15.8	7.8	9.0	-	-	0.0	-3.2	-2.8	6.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	6,628 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-1.7	1.1	1.5	9.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,062,795 (43.1)	55.4	24.1	18.8	-3.2	11.7	12.3	-	-	-1.4	-0.4	2.7	10.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	426,466 (17.3)	71.9	31.2	23.2	-4.0	13.4	14.2	3.4	3.2	-1.9	5.0	12.7	18.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	304,183 (12.3)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	1.1	-2.3	2.2	15.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	775,650 (31.5)	27.2	19.8	14.9	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	-0.6	2.0	0.4	3.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	354,975 (14.4)	42.1	16.9	14.7	4.0	28.9	30.0	4.7	4.8	-0.1	-3.1	-5.7	0.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	94,957 (3.9)	36.9	17.3	16.2	7.3	17.2	17.4	2.8	2.6	0.4	-3.7	-1.7	-9.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	440,091 (17.8)	16.5	49.2	23.5	-51.9	9.3	16.7	4.0	3.5	-0.6	-1.7	12.3	15.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	16,947 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	-0.2	3.2	-11.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	65,611 (2.7)	11.0	31.9	18.6	-88.5	12.5	17.6	-	-	-0.8	-1.5	-4.0	-6.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	153,245 (6.2)	10.8	20.3	16.7	-57.0	13.2	14.6	2.5	2.4	-1.2	-1.8	8.9	9.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	243,083 (9.9)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	1.1	4.1	-1.0	11.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	459,038 (18.6)	37.7	32.4	15.9	-14.4	7.9	6.7	-	-	-0.4	2.5	1.3	-4.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	189,191 (7.7)	3.6	22.9	15.5	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	-1.8	-0.7	6.0	2.2
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	66,422 (2.7)	0.0	10.2	9.1	-4.5	12.4	13.9	1.2	1.2	0.2	-0.3	4.4	8.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	129,452 (5.3)	46.1	16.9	15.6	-17.5	16.3	16.4	2.3	2.2	-0.6	2.3	0.5	5.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	30,855 (1.3)	31.4	-	14.9	-10.5	5.3	12.7	1.9	1.9	1.2	-4.1	-7.0	1.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,086 (0.1)	34.1	6.2	5.6	-5.1	16.4	17.5	-	-	-0.4	-1.5	-2.5	-8.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	1,019,268 (41.4)	18.0	13.6	9.8	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	0.7	-1.3	2.1	6.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	129,455 (5.3)	36.5	16.0	18.0	-0.5	8.0	7.5	1.2	1.2	0.1	-2.0	-0.4	4.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	208,198 (8.4)	46.5	11.5	19.7	-4.5	15.4	13.8	1.8	1.8	-0.3	-2.9	-0.9	4.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	278,627 (11.3)	38.9	13.7	8.6	67.9	9.3	16.3	1.2	1.1	2.5	1.6	-4.7	-2.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	47,021 (1.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.4	-0.9	-2.3	12.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	51,910 (2.1)	4.6	15.0	13.9	-51.0	11.8	12.2	1.8	1.7	2.6	3.0	3.3	8.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	249,412 (10.1)	39.9	18.6	12.7	-11.9	6.2	7.5	1.1	1.1	0.6	3.8	9.4	11.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	124,679 (5.1)	35.9	8.2	6.7	2.2	16.2	16.5	1.2	1.1	-1.7	7.3	3.3	8.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	601,136 (24.4)	0.0	22.3	11.7	14.4	9.4	14.4	2.6	2.3	-0.9	-2.7	-2.8	6.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	169,176 (6.9)	0.0	14.9	12.9	2.4	21.4	21.6	2.9	2.5	-0.8	-2.5	8.8	12.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	22,082 (0.9)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-3.2	0.0	2.4	-12.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	118,637 (4.8)	30.3	62.8	29.0	-75.2	31.8	31.2	10.5	-	-0.1	-5.3	21.2	39.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	49,773 (2.0)	34.6	21.8	18.0	41.2	11.7	13.4	-	-	6.6	7.0	14.8	29.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,693 (0.1)	45.4	15.6	15.4	10.7	19.9	19.2	-	-	0.3	6.1	9.2	13.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	378,826 (15.4)	0.0	19.0	15.6	15.5	28.8	28.4	5.0	4.2	-0.9	0.1	6.7	16.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

